

ĐƯỜNG PHỐ ĐÀ NẴNG xưa & nay

**

V Õ V Ầ N H Ò E



ĐÀ NẴNG, 2012

**ĐƯỜNG PHỐ
ĐÀ NẴNG
xưa & nay**

V Õ V Ắ N H Ò E
(Sưu tầm, biên soạn)

ĐƯỜNG PHỐ
ĐÀ NẴNG
xưa & nay
(Quyển 2)

ĐÀ NẴNG, 2015 - 2020

MỤC LỤC

Từ, ngữ viết tắt

Lời nói đầu

NG

O

Ô.....

Ơ

P

Q

R

S

T

U

Ư.....

V

X

Y

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TỪ, NGỮ VIẾT TẮT

CL	Cẩm Lệ
CMT8-1945	Cánh mạng tháng Tám-1945
ĐKDĐC	Đồng Khánh dự địa chí
ĐN	Đà Nẵng
HC	Hải Châu
HĐND	Hội đồng nhân dân
HS	Hoàng Sa
HV	Hòa Vang
KDC	Khu dân cư
KĐT	Khu đô thị
NHS	Ngũ Hành Sơn
NQ	Nghị quyết
P	Phường
Q	Quận
QL	Quốc lộ
QN	Quảng Nam
QNg	Quảng Ngãi
QN – ĐN	Quảng Nam – Đà Nẵng
SG	Sài Gòn
ST	Sơn Trà
ST – ĐN	Sơn Trà – Điện Ngọc
t	Tỉnh
tx	Thị xã
TĐC	Tái định cư

TK	Thanh Khê
TMDV	Thương mại dịch vụ
TP	Thành phố
TU	Trung ương
UBKCHC	Ủy ban kháng chiến hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân

LỜI NÓI ĐẦU

*Quyển **Địa danh thành phố Đà Nẵng (tập 1)**, Nhà xuất bản Đà Nẵng phát hành năm 2011 và quyển **Địa danh thành phố Đà Nẵng (tập 2)** Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông phát hành năm 2015, trong đó có phần địa danh đường phố Đà Nẵng.*

Từ đó đến nay thành phố Đà Nẵng đã mở thêm nhiều con đường mới. Tất cả các con đường đã được thảm nhựa và đã đặt tên đường, tạo thành mạng lưới giao thông xuyên suốt thành phố và với các tỉnh thành khác. Theo đó, chúng tôi tách riêng phần đường phố thành hai tập riêng, xếp các mục từ theo thứ tự chữ số và mẫu tự A, B, C,...

Từ năm 1888, theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 24 tháng 5 năm 1888, Đà Nẵng trở thành đất nhượng địa gồm các xã : Hải Châu, Phước Ninh, Thạch Thang, Nam Dương, Nại Hiên Tây. Bấy giờ diện tích có là 10.000 héc ta. Đến năm 1901, dưới sức ép của thực dân Pháp, ngày 15 tháng 01 năm 1901 vua Thành Thái ký đạo dụ nhượng thêm các xã : Xuân Dục, Thạch Gián, Liên Trì, Bình Thuận, Xuân Hòa, Thanh Khê, Đông Hà Khê, Yên Khê thuộc huyện Hòa Vang và các xã bên hữu ngạn sông Hàn: Mỹ Khê, An Hải, Tân Thái, Nại Hiên Đông, Mân Quang, Vĩnh Yên thuộc huyện Diên Phước. Theo đó, đất nhượng địa bao trùm một vùng rộng lớn bao gồm 19 xã. Con sông Hàn chảy giữa, chia vùng đất thành hai phía, phía bờ đông có 6 xã và phía bờ tây có 13 xã. Như thế từ năm 1888 thành lập thành phố Đà Nẵng.

Từ sau năm 1888, nhà cửa dinh thự mọc lên, đến năm 1901 mở rộng thêm diện tích, các con đường đất lần lượt được thay bằng đường lát đá dăm hoặc đường nhựa, đường phố bắt đầu hình thành theo kiểu Châu Âu hiện đại cùng

với nhiều biệt thự được xây dựng, sắp đặt ngay ngắn. Dáng vóc một thành phố đã bắt đầu xuất hiện.

Ngày 24 tháng 12 năm 1902, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định đặt tên đường phố cho thành phố Đà Nẵng.

Ban đầu các con đường trong phạm vi Hải Châu ngũ xã được đặt tên các nhân vật người Pháp. Về sau xuất hiện tên người Việt. Đường phố Đà Nẵng bây giờ được thắp bằng khí đá carbure, đến tháng 7 năm 1922 mới có nguồn điện thắp sáng, nhưng chỉ một số con đường chính trong nội thành.

Năm 1955 theo Nghị định số 88-NĐ/PC ngày 20 tháng 01 năm 1955 của Ủy ban đại biểu Chính phủ tại Trung Việt cho thay thế các tên cũ của các con đường trong thành phố Đà Nẵng bằng những tên mới. Trong đó đường đại lộ (avenue) có 11 đường; đường bờ sông có 1 đường; đường (rue) có 35 đường; đường hẻm (ruelle) 2 đường; đường dự định (rue projetre) có 8 đường; sân vận động và công viên (stade jarding) có 4 sân/vườn. Và từ năm 1955 về sau lấy tên người Việt đặt tên cho đường phố Đà Nẵng (trong số đó có 1 đường mang tên người nước ngoài: Paster).

Sau ngày 29 tháng 3 năm 1975, chính quyền cách mạng thay đổi tên một số con đường trên địa bàn thành phố.

Từ khi tách tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng thành 2 đơn vị trực thuộc Trung ương vào năm 1997, thành phố Đà Nẵng sáp nhập thêm huyện Hòa Vang, diện tích có là 1.248,4 km². Bây giờ đô thị bắt đầu phát triển nhanh, nhiều khu dân cư mọc lên, các khu công nghiệp lần lượt hình thành, từng bước thành phố Đà Nẵng trở thành một thành phố hiện đại. Theo đó, nhiều con đường mới được mở rộng thêm ra, và đồng thời mở thêm nhiều con đường mới. Từ đó, Hội đồng nhân dân thành phố ra Quyết định đặt tên cho các con đường mới mở, đáp ứng nhu cầu định danh để quản lý, và đường phố phải được có tên.

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng đang trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng thành phố là trung tâm kinh tế xã hội miền Trung. “Có lẽ trong ký ức của nhân dân Đà Nẵng chưa bao giờ phai mờ hình ảnh về thành phố cách đây 20 năm, những ngày tháng còn rất gian khó, khi Đà Nẵng là đô thị cấp 3, thành phố trực thuộc tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng với cơ sở hạ tầng còn nghèo.

Bên kia bờ đông sông Hàn là xóm nhà chồ tạm bợ, cuộc sống người dân bấp bênh theo những chiếc đò ngang, nổi trôi bờ sông, ngoài những chuyến phà chỉ có chiếc cầu Nguyễn Văn Trỗi và Trần Thị Lý đã xuống cấp trầm trọng. Bờ biển Đà Nẵng trải dài từ Hòa Hải đến cảng Tiên Sa ngày ấy còn hoang sơ, vắng vẻ...

Thành quả của Đà Nẵng sau 20 năm phát triển không chỉ là những cây cầu, những con đường, những công trình kiến trúc kỳ vĩ hay những chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội ấn tượng mà còn mạng lưới giao thông xuyên suốt nối các quận, huyện xã phường.

Những con đường của thành phố Đà Nẵng đã tạo nên sự liên kết giao thông trong thành phố với các vùng miền trong cả nước, góp phần không nhỏ vào phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng . Là một thành phố động lực không thể không có khát vọng. Khát vọng vươn lên là trong những năm tới bên bờ biển xinh đẹp này phải có được một thành phố không chỉ phát triển bề rộng mà phải có tầm cao, cao về trình độ văn minh đô thị và chất lượng sống của người dân, đồng thời phải có chiều sâu, sâu trong cái đẹp mang đậm bản sắc văn hóa người Đà Nẵng.

Những con đường tại thành phố Đà Nẵng đã được mở ra, nối các vùng kinh tế – văn hóa – xã hội xích lại gần hơn trong hội nhập và phát triển đồng bộ, đáp ứng nhu cầu dân sinh. Thành phố Đà Nẵng ngày càng có nhiều các khu đô thị mới, khu tái định cư, khu công nghiệp, khu du lịch được tiến hành đồng thời với việc chỉnh trang đô thị, đường phố

được mở ra nhiều hơn, nhiều công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, hiện đại đã được xây dựng, các khu chung cư, nhà ở xã hội,... phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, cải tạo môi trường, cải tạo chất lượng sống của nhân dân, tạo diện mạo mới cho thành phố theo hướng thành phố biển, văn minh, hiện đại.”

Đến năm 2019, tôi sưu tập được 2.325 đường phố (từ 24/12/1902 đến 12/12/2019) đã được tráng nhựa, hệ thống cấp thoát nước, đèn chiếu sáng đầy đủ.

*Biết rằng sưu tập chưa đầy đủ đường phố Đà Nẵng hiện có, tuy thế, chúng tôi xin trân trọng gửi đến bạn đọc gần xa yêu mến thành phố Đà Nẵng quyển sách **Địa danh thành phố Đà Nẵng xưa và nay**.*

Thế nào cũng có thiếu sót, mong bạn đọc thể tất và góp ý chỉ dẫn để lần sau phục vụ bạn đọc tốt hơn.

Võ Văn Hòe

+Ng

+ **Ngọc Hân**

Dài 340m, rộng 5.5m từ đường Trần Hưng Đạo nối với đường Ngô Quyền, phường An Hải Tây, Q. ST.

Đường mang tên Ngọc Hân, theo NQ số 6-2000/NQ-HĐ của HĐND.TP, khóa VI, ngày 19/7/2000 về Đặt tên một số đường của TP.ĐN.

Công chúa Lê Ngọc Hân (1770-1799) con gái út của vua Lê Hiển Tông và bà Nguyễn Thị Huyền (người làng Phù Ninh, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Khi Nguyễn Huệ làm tiết chế đem quân từ Phú Xuân ra Bắc đánh quân Trịnh, hạ thành Thăng Long (21-7-1786), nêu danh nghĩa tôn phò nhà Lê, vua Hiển Tông đã gả công chúa út Ngọc Hân cho ông. Ngọc Hân theo chồng vào Phú Xuân.

Sau khi Nguyễn Huệ đăng quang, niên hiệu Quang Trung, bà được phong là Bắc cung hoàng hậu (1788). Bà sinh được một hoàng tử (Nguyễn Văn Đức) và một hoàng nữ (Nguyễn Thị Ngọc Bảo). Số phận của hai con bà, sau khi nhà Tây Sơn bị Nguyễn Ánh đánh bại thì không rõ đích xác như thế nào.

Bà mất năm 1799, để lại bài thơ *Ai tư vãn*. Đây là tiếng nói chân tình, thống thiết của bà đối với chồng, người anh hùng dân tộc Quang Trung.

+ **Ngọc Hồi**

Đoạn đường có điểm đầu là đường Lý Thái Tông, điểm cuối là đường Nguyễn Sinh Sắc. Mặt đường bằng bê tông nhựa, dài 1.230m, rộng 5,5m; vỉa hè mỗi bên rộng 3m, hệ thống cấp thoát nước, đèn cao áp chiếu sáng đầy đủ, thuộc KDC Hòa Minh, P Hòa Minh, Q. LC và KDC Thanh Lộc Đán, P Thanh Lộc Đán, Q. TK. ¹

Đường mang tên Ngọc Hồi theo NQ số 107/2010/NQ-HĐND ngày 03/12/2010 của HĐND. TP. ĐN, khóa VII, kỳ họp thứ 17, tháng 12-2010 về Đặt tên một số đường và công trình công cộng trên địa bàn TP. ĐN, đợt 2 năm 2010.

Ngọc Hồi: trận Ngọc Hồi - Khương Thượng (hay Chiến thắng Kỷ Dậu) là tên gọi do các nhà sử học Việt Nam dành cho các trận đánh chống ngoại xâm thắng lợi của nước Đại Việt thời Tây Sơn, do vua lãnh đạo vào đầu năm Kỷ Dậu 1789, đánh tan hàng vạn quân Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy.

¹ KDC Hòa Minh, P Hòa Minh, Q. LC, KDC Thanh Lộc Đán, P Thanh Lộc Đán, Q. TK đặt tên theo Nghị quyết 107/2010/NQ-HĐND ngày 03/12/2010 có 27 đường phố.

Trần Ngọc Hồi - Khương Thượng khẳng định sự tồn tại của nước Đại Việt trước họa xâm lược, chấm dứt sự tồn tại của nhà Hậu Lê. Chiến thắng này còn đánh dấu việc nhà Tây Sơn chính thức thay nhà Hậu Lê trong việc cai quản đất Bắc Hà và trong quan hệ với nhà Thanh.

+ **Ngô Cao Lãng**

Đoạn đường có điểm đầu là đường Trần Nguyên Hãn, điểm cuối là đường Lê Đức Thọ. Mặt đường bằng bê tông nhựa, chiều dài 670m, rộng 15m; vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m. Hệ thống cấp, thoát nước, cấp ngầm, điện hạ thế, đèn cao áp đầy đủ.

Đường mang tên Ngô Cao Lãng thuộc đường nối từ cầu Thuận Phước đến đường Hoàng Sa đến đầu tuyến KDC. ST-ĐN. Q. ST. theo NQ. số 21/2011/NQ-HĐND ngày 23/12/2011 của HĐND. TP. ĐN, khoá VIII, nhiệm kỳ 2011-2016, kỳ họp thứ 3, ngày 21, 22, 23-12-2011 về Đặt tên một số đường trên địa bàn TP ĐN năm 2011.

Ngô Cao Lãng (Thế kỷ XVIII - XIX)

Tên chính của ông là Cao Lãng; có khi lấy họ là Lê hoặc Ngô; tự Lệnh Phủ, hiệu Viên Trai; quê ở làng Nguyệt Viên (nay là xã Hoàng Quang), huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Ông đỗ Cử nhân (1807) làm quan đến Tri phủ, sau về kinh làm ở Quốc sử quán triều Nguyễn.

Ông là một nhà văn, nhà nghiên cứu văn hóa nổi tiếng đương thời và là một tác gia lớn triều Nguyễn. Tác phẩm của ông có: *Lịch triều tạp ký, Lê triều lịch khoa Tiến sĩ đề danh bi ký, Quốc triều xử trí, Vạn Tượng sự nghi lục, Ngũ man phong thổ ký, Bắc kỳ tạp biên, Thanh Hóa dư đồ sự tích ký,...*

Sáng tác thơ văn của ông được tập hợp trong các cuốn: *Viên Trai thi tập, Viên Trai văn tập.*

+ **Ngô Chân Lưu**

Dài 500m, rộng 6m, lề đường rộng 1m, từ đường Tôn Đức Thắng đến giáp đường Tô Hiệu, KDC Hòa Mỹ, Q. LC.

Đường mang tên Ngô Chân Lưu, theo NQ số 25/2002/NQ/HĐND ngày 12/7/2002 của HĐND. TP. ĐN, khóa VI, kỳ họp thứ 7, về Đặt tên một số đường của TP.ĐN.

Ngô Chân Lưu (930-1011), người hương Cát Lợi huyện Thường Lạc, nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Nhỏ học chữ Hán; khoảng năm 950-956 thọ giáo, làm đệ tử Vân Phong thiền sư, trụ trì chùa Khai Quốc, thành Đại La (Hà Nội). Năm 969, vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi (968), phong ông chức Tăng thống. Đây là vị Tăng thống đầu tiên của Giáo hội Phật giáo nước ta. Năm 971 được vua ban cho hiệu Khuông Việt đại sư, thực tế là chức Thái sư, vị tể tướng nước Việt.

Khi Lê Hoàng lên ngôi (980) chiến thắng năm 981, đánh bại đội quân nhà Tống do Hầu Nhân Bảo chỉ huy, ông được giao trọng trách đầu tranh ngoại giao, bảo vệ nền độc lập của đất nước. Nổi bật nhất là sự kiện ông và sư Pháp Thuận tiếp phái bộ của Lý Giác đến nước ta vào năm 987 đã diễn ra tốt đẹp. Khi sứ giả về, ông còn sáng tác khúc ca *Vương lang quy* để tặng. Khoảng cuối triều Lê Đại Hành (1000-1005), ông từ chức Tăng thống và những chính sự khác, trở về mở trường ở chùa Thanh Tước, tại đây, học trò tìm tới học rất đông. Ông cùng với thiền sư Đa Bảo, Vạn Hạnh, góp phần tích cực trong việc lên ngôi của Lý Công Uẩn (1010).

Ông mất ngày 15 tháng 2 năm Tân Hợi (1011) thọ 82 tuổi – thuộc thế hệ thứ 5 của thiền phái Vô ngôn không.

+ Ngô Chi Lan

Đoạn đường có điểm đầu và điểm cuối là đường Mai Am. Mặt đường bằng bê tông nhựa, dài 500m, rộng 5m; vỉa hè mỗi bên rộng 3m, hệ thống cấp, thoát nước, cáp ngầm, điện hạ thế, đèn cao áp hoàn chỉnh, thuộc KDC D Thuận Phước, phường Thuận Phước, KDC Nam đường 3 Tháng 2, Q. HC.

Đường mang Ngô Chi Lan theo NQ số 107/2010/NQ-HĐND ngày 03/12/2010 của HĐND. TP. ĐN khóa VII, kỳ họp thứ 17, từ ngày 1 đến 3-

12-2010 về Đặt một số tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn TP. ĐN, đợt 2 năm 2010.

Ngô Chi Lan (Thế kỷ XV), quê ở làng Phù Lỗ (tục gọi làng Sọ), huyện Kim Hoa, trấn Kinh Bắc; sau là huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên và chưa rõ năm sinh, năm mất; sống trong thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497). Tương truyền bà là con nuôi của Nguyễn Thị Lộ (vợ lẽ của Nguyễn Trãi). Chồng bà là Phù Thúc Hoàn, nhà thơ, người làng Phù Xá, cùng huyện với bà; có sách nói ông không đỗ đạt gì nhưng có văn tài nên vẫn được mời dạy Kinh Dịch ở Quốc tử giám, sau sung Viện hàn lâm. Sách khác nói, ông làm quan đến chức Đông các đại học sỹ. Hiện còn có hai bài thơ chữ Hán của ông chép trong Trích diễm thi tập.

Bà thuở nhỏ thiên tư thông minh, đọc đâu biết đấy, khi trưởng thành, làm nhiều thơ ca, từ khúc, được xa gần truyền tụng. Thường được vua Lê Thánh Tông vời vào hầu thơ, lại được phong chức Phù gia nữ học sỹ, chuyên việc dạy lễ nghi, văn chương cho các cung nữ trong vương phủ. Nguyễn Dữ trong sách *Truyện kỳ mạn lục*, đánh giá cao tài thơ văn của bà. Tác phẩm của bà gồm: *Mai Trang tập*; một số bài thơ chép trong *Trích diễm thi tập* và *Truyện kỳ mạn lục*, *Lĩnh Nam chích quái*.

+ Ngô Duy Diễn

Đoạn đường có điểm đầu và điểm cuối là đường Lê Quang Hòa. Mặt đường bằng bê tông nhựa, chiều dài 765 m, rộng 7,5 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4 m. Hệ thống cấp thoát nước, điện hạ thế, đèn cao áp đầy đủ. Đường thuộc khu sinh thái đô thị Hòa Xuân giai đoạn 1A và KDC nam cầu Cẩm Lệ, được đặt tên theo Nghị quyết số 75/2016/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tp Đà Nẵng về Đặt, đổi tên một số đường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2016.

Ngô Duy Diễm (1920-1956). Ông quê xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Đầu năm 1937, ông tham gia phong trào đọc sách báo công khai của Đảng tại xã nhà. Tháng 6/1937, ông vào Đoàn Thanh niên Dân chủ xã Phú Nham Tây (nay là xã Duy Sơn). Tháng 1/1938, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tại chi bộ ghép của hai xã Phú Nham Đông và Phú Nham Tây được bầu làm Bí thư chi bộ này.

Tháng 9/1939, là Huyện ủy viên huyện Duy Xuyên và tiếp tục giữ chức Bí thư chi bộ xã. Sau đó ông bị địch bắt giam ở nhà lao Hội An, được cử làm Chi ủy viên chi bộ nhà lao. Tháng 6/1941, ông ra tù và tiếp tục hoạt động, làm Bí thư huyện ủy Điện Bàn. Tháng 5/1942, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Quảng Nam, bị địch bắt giam lần thứ hai tại nhà lao Hội An. Thời gian này ông cùng với ông Đoàn Hữu Chấp - cán bộ xứ ủy Trung Kỳ phái vào hoạt động tại Quảng Nam

- vượt ngục, nhưng ba ngày sau thì bị bắt lại và địch đày lên nhà lao Buôn Ma Thuột. Sau khi ra tù Buôn Ma Thuột, ông về hoạt động ở tỉnh Lâm Viên (nay là tỉnh Lâm Đồng), lần lượt giữ chức: Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy, Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh, Trưởng ty tuyên truyền rồi làm Bí thư Tỉnh ủy thay ông Chu Văn Nam nhận nhiệm vụ khác.

Tháng 01/1946, ông được bầu làm Đại biểu Quốc Hội khóa 1, đơn vị tỉnh Lâm Viên. Tháng 2/1946, sau khi họp Quốc Hội về, ông cùng với ông Chung Văn Năm trên đường đi công tác thì bị Pháp chặn đánh, hai ông và lái xe hy sinh tại Kroong Pha, thuộc huyện An Sơn, tỉnh Bình Thuận (ngày nay). Ông được đặt tên đường tại thành phố Đà Lạt từ năm 2002.

+ Ngô Đức Kế

Đường dài 250m, mặt đường bằng bê tông nhựa, rộng 5,5m; vỉa hè mỗi bên rộng 3m. Đoạn đường có điểm đầu là đường Dũng sỹ Thanh Khê (cũ), điểm cuối là đường Dương Bích Liên.

Đường mang tên Ngô Đức Kế theo NQ số 80/2009/HĐND ngày 08/7/2009 của HĐND. TP. ĐN, khóa VII, tại kỳ họp thứ 14, tháng 7 năm 2009 về Đặt tên một số đường phố của TP.ĐN.

Ngô Đức Kế, (1878 – 1929), ông có hiệu là Tập Xuyên, quê ở làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1901, ông thi đậu Tiến sỹ, nhưng

không ra làm quan. Năm 1907, ông cùng với Đặng Nguyên Cẩn mở “Chiêu Dương thương quán” ở Vinh (Nghệ An) để tuyên truyền và vận động cách mạng. Năm 1908, ông bị thực dân Pháp bắt, đày đi Côn Đảo. Năm 1921, ông ra tù về làm nghề viết báo, trở thành cây bút xuất sắc trong tạp chí Hữu Thanh. Tác phẩm của ông gồm có: “Thiên nhiên học hiệu ký”; “Thất nhật quang phục ký”; “Sở Am tập”; “Phan Tây Hồ di thảo”; “Dân quyền”; “Luận về chính học và tà thuyết” và nhiều tác phẩm khác.

+ Ngô Gia Khảm

Đoạn đường có điểm đầu là đường Hà Huy Tập, điểm cuối là đường 10,5 chưa đặt tên. Mặt đường bằng bê tông nhựa, chiều dài 430m, rộng 5,5m; vỉa hè một đoạn rộng 2m. Hệ thống cấp, thoát nước, cáp ngầm, điện hạ thế, đèn cao áp đầy đủ.

Đường mang tên Ngô Gia Khảm thuộc KDC Khu C, P Thanh Lộc Đán Q. TK.TP. ĐN. được đặt tên theo Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 04/7/2012 của HĐND. TP. ĐN, Khóa VIII, nhiệm kỳ 2011-2016, kỳ họp thứ 4, ngày 3,4/7/2012 về Đặt tên một số đường trên địa bàn TP. ĐN đợt 1, năm 2012.

Ngô Gia Khảm (1919 - 1990). Ông quê ở xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh. Sinh ra trong một gia đình cách mạng, ông được cậu là Ngô Gia Tự giác ngộ và tham gia cách mạng từ sớm. Năm 16 tuổi,

ông làm thợ nguội tại Nhà máy Xe lửa Gia Lâm. Năm 1941, ông bị Pháp bắt đày đi Sơn La. Ra khỏi ngục, năm 1944, ông tham gia chế tạo vũ khí cho Việt Minh. Ông là một trong những người lập xưởng quân khí, chế tạo quả lựu đạn đầu tiên. Sau Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông lập xưởng hóa chất đầu tiên ở Việt Bắc, chế tạo hạt nỏ, mặc dù ba lần chế thử bị thương nặng vẫn không nản. Năm 1952, ông được tuyên dương Anh hùng Lao động đợt đầu tiên. Năm 1954, ông về tiếp quản và làm Giám đốc Nhà máy Xe lửa Gia Lâm, rồi Cục trưởng Cục Đầu máy - Toa xe, Tổng cục Đường sắt, Trưởng ban Thanh tra Bộ Giao thông Vận tải.

+ **Ngô Gia Tự**

Dài 720m, rộng 8m, nối đường Hải Phòng (trước cổng Bệnh viện C) đến đường Trần Bình Trọng, thuộc Q. HC.

Thời Pháp thuộc, đường mang tên Rue Yersin. Đầu năm 1956, thì Rue Yersin tách làm 2 đường:

1. Từ *đường Nguyễn Hoàng* (nay là *đường Hải Phòng*) đến *đường Hùng Vương* đổi tên thành *đường Đông Kinh Nghĩa Thục*. Sau ngày giải phóng (30-4-1975) thay bằng *đường Ngô Gia Tự*.
2. Từ *đường Hùng Vương* đến *đường Trần Bình Trọng* còn mang tên *đường Yersin*, đến năm 1984 mới nhập vào *đường Ngô Gia Tự*. Như vậy, *đường*

Ngô Gia Tự được lập trên cơ sở hợp nhất đường Đông Kinh Nghĩa Thục và đường Yersin.

Năm 1969, đường Yersin được chỉnh trang tu bổ 254 mét lòng và lề đường.

Ngô Gia Tự (1908-1935), sinh ngày 3-12-1908 tại làng Lam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1925, tham gia bãi khóa đòi thực dân Pháp trả tự do cho Phan Bội Châu, bị đuổi học khỏi trường Bưởi (Hà Nội). Năm 1927, dự lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc tổ chức tại Quảng Châu (Trung Quốc), tham gia Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, làm Bí thư tỉnh bộ Bắc Ninh. Năm 1928, vào SG, hoạt động trong giới công nhân. Cuối tháng 3-1929, tại 5D phố Hàm Long – Hà Nội, ông cùng Nguyễn Đức Cảnh và Nguyễn Phong Sắc tuyên bố thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.

Sau khi ĐCSĐD thành lập (3-2-1930), ông được bầu làm Bí thư Xứ ủy lâm thời Nam Kỳ. Đêm 31-5-1930, ông bị Pháp bắt tại SG, kết án chung thân và đày đi Côn Đảo, tháng 5-1933. Ngô Gia Tự đã mất tích giữa biển trong chuyến vượt Côn Đảo cuối năm 1934 cùng với một số đồng chí khác.



Ngô Gia Tự

+ Ngô Huy Diễn

Đoạn đường có điểm đầu và điểm cuối là đường Lê Quang Hòa, chiều dài 765m, mặt đường bằng bê tông nhựa, hệ thống cấp thoát nước, cấp ngầm điện hạ thế, đèn chiếu sáng đầy đủ, thuộc KDC đô thị sinh thái Hòa Xuân giai đoạn 1 và KDC nam cầu Cẩm Lệ, được đặt tên theo Nghị quyết số 75/2016/NQ-HĐND của HĐND. TP. ĐN ngày 08/12/2016 về đặt, đổi tên một số đường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2016 được thông qua tại kỳ họp thứ 3 HĐND thành phố khóa IX.

Ngô Huy Diễn: Ông quê QN, nguyên Tỉnh ủy viên QN.

Tháng 4/1945, sau khi ra khỏi nhà tù Buôn Ma Thuột, ông được tổ chức Đảng phân công về Đà Lạt hoạt động, xây dựng cơ sở, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Tháng 5/1945, ông tham gia thành lập Mặt trận Việt minh ở Đà Lạt. Cùng thời gian đó, ông làm Thư ký Tỉnh bộ Việt Minh lâm thời. Cuối tháng 6/1945, ông bị địch bắt. Ngày 23/8/1945, Đà Lạt khởi nghĩa giành chính quyền, ông được ra tù. Tối 24/8/1945, tại dinh Tỉnh trưởng tỉnh Lâm Đồng (số 4 Thủ Khoa Huân, nay là trụ sở đài PTTH Đà Lạt), Ủy ban khởi nghĩa và những cán bộ tham gia khởi nghĩa họp kiểm điểm tình hình khởi nghĩa, đề ra một số công tác trước mắt để nhanh chóng ổn định tình hình, bảo vệ trật tự trị an. Hội nghị nhất trí thành lập UBND cách mạng lâm thời t. Lâm Viên, ông được giữ chức Ủy viên Tuyên truyền.

Thực hiện âm mưu đánh chiếm các t. Nam trung bộ, thực dân Pháp dựa và quân đồng minh bắt ép quân Nhật phải chiếm lại những vùng đã mất. Ngày 9/11/1945, quân Pháp đưa 40 xe quân sự chở quân từ SG lên chiếm hai t. Đông Nai Thượng và Lâm Viên. Sau khi được tăng cường lực lượng, quân Pháp chiếm lại hầu hết các nhà máy, công sở, đóng thêm nhiều đồn bót, bắt hàng trăm cán bộ và đồng bào ta, thả hết những người Pháp bị giam giữ.

Ngày 6/1/1946, tuy hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn, nhưng cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên vẫn tiến hành

khẩn trương và đảm bảo nguyên tắc, ông Ngô Duy Diển trúng cử đại biểu Quốc hội của t. Lâm Viên. Ngày 28/1/1945, sau khi dự phiên họp Ban chỉ huy Chi đội ở Phan Rang, trên đường về, ông gặp quân địch từ Lâm Viên xuống, ông trúng đạn và hy sinh tại Tân Mỹ (Ninh Thuận) ²

+ **Ngô Mây**

Đoạn đường có điểm đầu là đường 10,5m, điểm cuối là đường Nguyễn Huy Oánh. Mặt đường bằng bê tông nhựa, chiều dài 580m, chiều rộng 5,5m; vỉa hè mỗi bên rộng 3m, hệ thống cấp, thoát nước, cáp ngầm, điện hạ thế, đèn cao áp hoàn chỉnh, thuộc KDC Nam cầu Cẩm Lệ, thôn Cẩm Nam, xã Hòa Châu, huyện HV.

Đường mang tên Ngô Mây theo NQ số 107/2010/NQ-HĐND ngày 03/12/2010 của HĐND. TP. ĐN, khóa VII, kỳ họp thứ 17, ngày 1-3/12/2010 về Đặt tên một số đường phố và công trình công cộng trên địa bàn TP. ĐN, đợt 2 năm 2010.

Ngô Mây (1924 - 1947), xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo tại xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Cách mạng Tháng 8 thành công, ông hăng hái tham gia du kích xã, sau đó nhập ngũ và là đội viên đội quyết tử. Đầu 10-1947, đơn vị nhận lệnh phục kích quân pháp trên đường An

² <http://www.lamdong.gov.vn/vi-VN/a/dalatstreet/tpdalat/Pages/NgoHuyDien.aspx>

Khê đi Plâyku, ông có nhiệm vụ ôm bom phá xe tăng để tạo điều kiện cho đồng đội diệt bộ binh địch. Không may trận địa bị lộ, địch nổ súng tấn công trước và dồn quân ta vào thế bất lợi. Lực lượng quá chênh lệch, đơn vị phải vừa đánh vừa yểm hộ cho từng bộ phận rút lui để bảo toàn lực lượng. Ông bình tĩnh chờ một toán đông quân giặc tới gần rồi mới rút chót bom. Một tiếng nổ dữ dội vang lên, làm một trung đội quân Âu - Phi tan xác. Ông đã hy sinh oanh liệt. Ông được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Hai và được Chính phủ truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

+ Ngô Nhân Tịnh

Đường mang tên Ngô Nhân Tịnh theo Nghị quyết số 61/2007/NQ/HĐND ngày 07/12/2007 của HĐND TP. ĐN về Đặt tên đường trên địa bàn TP. ĐN.

Ngô Nhân Tịnh: (hay Ngô Nhân Tĩnh, 吳仁靜, (1761 - 1813), tự Nhữ Sơn (汝山), hiệu Thập Anh (拾英); là một trong "Gia Định tam gia" thuộc nhóm *Bình Dương thi xã* (平陽詩社), và là quan triều Nguyễn.

Ông, người Minh Hương, quê gốc ở Quảng Đông, Trung Quốc. Khi nhà Minh bị nhà Thanh đánh đổ, tiên tổ ông lánh sang Gia Định lập nghiệp, và đến năm Tân Tỵ (1761), thì ông ra đời tại đây.

Lúc thiếu thời, ông theo học với thầy Võ Trường Toản ở làng Hòa Hưng (Gia Định), và là đồng môn với Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức, Ngô Tùng Châu và Tô Tông-Viên Quang (về sau là Sơ tổ chùa Giác Lâm).

Không rõ năm Ngô Nhân Tịnh ra giúp chúa Nguyễn Phúc Ánh (1762 - 1820), chỉ biết ở trong khoảng những năm đầu dựng nghiệp và ông được lãnh chức Thị độc Viện hàn lâm.

Tháng 6 âm lịch năm Mậu Ngọ (1798), ông làm Hữu tham tri Bộ Binh, được chúa Nguyễn Ánh cử theo thuyền buôn Trung Quốc sang Quảng Đông để trình quốc thư cho nhà Thanh, với mục đích hợp tác đánh Tây Sơn và dò xét tin tức của vua Lê Chiêu Thống. Tuy nhiên khi đến Quảng Đông, ông nghe tin vua Lê đã mất nên trở về.

Năm Canh thân (1800), ông theo hộ giá chúa Nguyễn đi cứu viện Quy Nhơn.

Năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi, lấy niên hiệu là Gia Long, ông được phong làm Giáp Phó sứ theo Chánh sứ Trịnh Hoài Đức và Phó sứ Hoàng Ngọc Uẩn sang Trung Quốc lần hai, để trình quốc thư và nộp trả ấn sách mà nhà Thanh đã phong cho nhà Tây Sơn. Đồng thời, đoàn sứ thần cũng giải theo các cướp biển Tề Ngôi là Mạc Quang Phù, Lương Văn Canh, Phan Văn Tài (những cướp biển từng hợp tác với Tây Sơn) giao

cho nhà Thanh. Sau khi hoàn thành sứ mệnh, ông trở về đảm nhiệm chức vụ cũ.

Năm Đinh Mão (1807), ông được sung làm Chánh sứ cùng với Phó sứ Trần Công Đán sang Chân Lạp (Campuchia), đem sắc ấn đến thành La Bích phong Nặc Chấn làm Cao Miên quốc vương.

Năm Tân Mùi (1811), Gia Long năm thứ 10, ông ra làm Hiệp Trấn tỉnh Nghệ An. Ông làm quan thanh liêm, mẫu mực, không dung túng kẻ tham lam, hết lòng lo cho dân. Khi đời sống của người dân gặp khó khăn, ông dâng sớ về kinh xin hoãn nộp thuế, đều được vua Gia Long chuẩn y. Cũng trong thời gian này ông cùng Đốc Học Nghệ An là Bùi Dương Lịch soạn ra tập *Nghệ An Phong Thổ Ký*.

Năm Nhâm Thân (1812), ông được thăng làm Thượng thư bộ Công kiêm Hiệp Hành Tổng Trấn tỉnh Gia Định và được phong chức Tỉnh Viễn hầu.

Năm Quý Dậu (1813), ông cùng Tổng trấn thành Gia Định là Lê Văn Duyệt (1764 - 1832) đem hơn 13.000 quân binh hộ tống Quốc vương Nặc Chân về nước Chân Lạp. Cùng năm này, sau khi đi hội đàm cùng Xiêm La (Thái Lan) bàn việc Chân Lạp, ông bị người cùng triều vu tội tham ô, ăn của đút lót của Chân Lạp và Xiêm La. Tổng trấn Lê Văn Duyệt tin thực đem việc ấy tâu lên, vua Gia Long cho không thực, bỏ đi, không quở trách gì, nhưng từ đó vua có ý không tin dùng nữa.

Cũng từ đó lòng của Ngô Nhân Tịnh sâu não không được yên và cũng không thể nào giải bày được sự trong sạch của mình. Ông thường than thở: "*Vẽ rắn thêm chân, ai khiến cho ta mang cái oan không giải tỏ được ư?*". Cuối đời, ông sống ẩn dật và mất tại Gia Định vào mùa đông năm ấy (1813).

Sau khi mất, ông được đặt tên thụy là Túc Giản, và được an táng tại làng Chí Hòa, tổng Dương Hòa thượng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố HCM). Theo sách *Từ điển văn học (bộ mới)*, thì lúc bấy giờ Trịnh Hoài Đức có tâu xin được truy tặng cho ông, nhưng vua Gia Long không cho. Năm Minh Mạng thứ nhất (1820), cấp phu coi mộ ông. Đến năm Tự Đức thứ 5 (1852), ông mới được phụ thờ vào miếu Trung hưng công thần ở Huế. Ngô Nhân Tịnh là người học rộng, giỏi văn chương, thích ngâm vịnh. Ông cùng với hai người bạn thân thiết là Lê Quang Định và Trịnh Hoài Đức, sáng lập "Bình Dương thi xã" nổi danh một thời.

Tác phẩm của ông hiện còn:

- *Thập Anh đường văn tập* (拾英堂文集): gồm 187 bài kinh nghĩa, lấy đề tài từ Kinh thi và Kinh thư, dùng làm mẫu cho những người đi thi tham khảo.
- *Thập Anh đường thi tập* (拾英堂詩集): gồm 81 bài thơ chữ Hán làm trong thời gian đi sứ, lúc làm quan và khi xướng họa với bạn bè.

- *Nhất thống dư địa chí* (一統輿地志): do Lê Quang Định soạn, Ngô Nhân Tịnh nhuận chính.
- *Gia Định tam gia thi tập* (嘉定三家詩集): gồm một số bài thơ, in chung với thơ của Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định.³

³

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4_Nh%C3%A2n_T%E1%BB%8Bnh